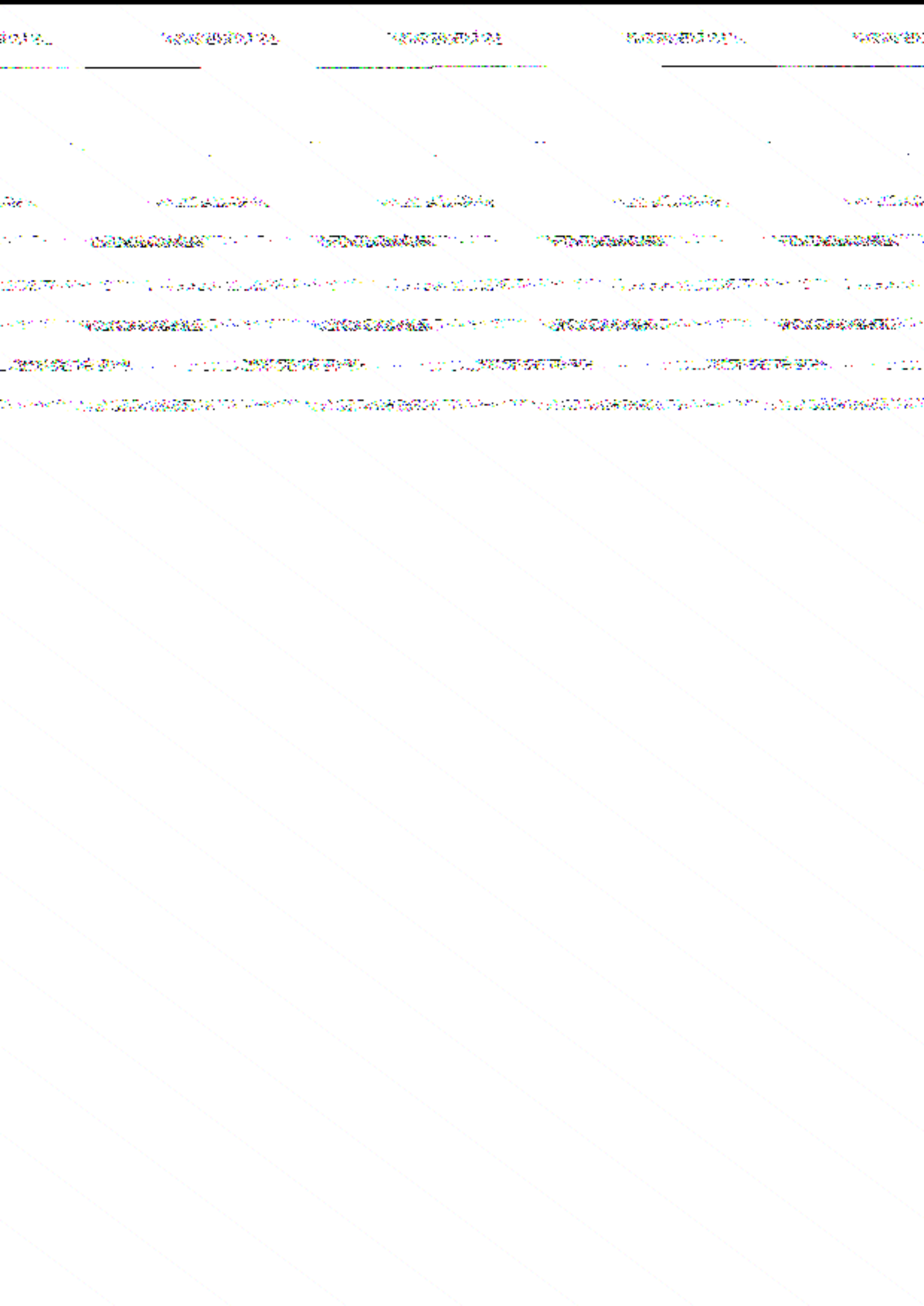


CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ
CẦU ĐƯỜNG CII

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
DN:
email=maitranlugiaco@gmail.com,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU
ĐƯỜNG CII, o=MST:0300482241,
l=70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11,
Thành Phố Hồ Chí Minh, c=VN
Date: 2020.08.28 17:03:20 +07'00'



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Phạm Thế Chính	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020)
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thế Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc, phụ trách công tác Tài chính (bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2020, miễn nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2020)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phạm Thế Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số: 1091/2020/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2020, từ trang 5 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề có yếu tố trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ theo kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Theo đó, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và kết luận báo cáo soát xét không có ghi chú ngoại trừ vào ngày 29 tháng 8 năm 2019.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		900.923.479.193	871.213.287.317
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	122.235.547.534	70.292.549.741
1. Tiền	111		36.873.835.205	23.951.733.384
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.361.712.329	46.340.816.357
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.910.360.304	34.906.843.447
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12a	38.910.360.304	34.906.843.447
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		663.979.350.956	669.772.789.630
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	30.489.642.035	32.542.861.196
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	235.980.229.893	276.147.228.415
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	178.536.763.683	182.189.435.553
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	232.837.754.266	192.263.846.474
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.865.038.921)	(13.370.582.008)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	27.133.725.721	27.718.090.169
1. Hàng tồn kho	141		27.133.725.721	27.718.090.169
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.664.494.678	68.523.014.330
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.212.731.630	820.257.841
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.769.364.423	65.664.790.188
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17a	1.682.398.625	2.037.966.301

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.825.046.732.838	10.389.006.489.008
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.593.800.542.655	1.443.235.293.841
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	231.425.250.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.362.375.292.655	1.211.810.043.841
II. Tài sản cố định	220		3.325.100.935.447	3.449.494.657.387
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.505.733.266	4.703.769.004
- Nguyên giá	222		22.040.415.643	20.772.415.915
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.534.682.377)	(16.068.646.911)
1. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.319.595.202.181	3.444.790.888.383
- Nguyên giá	228		4.714.110.872.237	4.714.151.114.244
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.394.515.670.056)	(1.269.360.225.861)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.126.005.800.093	3.875.193.545.790
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.126.005.800.093	3.875.193.545.790
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	791.813.460.662	784.648.901.897
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12b	791.813.460.662	781.138.901.897
V. Tài sản dài hạn khác	260		988.325.993.981	836.434.090.093
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	672.673.383.220	544.029.006.594
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13a	242.562.903.620	212.862.475.432
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	73.089.707.141	79.542.608.067
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.725.970.212.031	11.260.219.776.325


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.851.010.016.209	7.358.039.921.452
I. Nợ ngắn hạn	310		1.542.351.961.508	2.144.274.227.836
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	241.806.925.787	311.632.712.969
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	464.448.038.039	465.673.068.166
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17b	37.438.492.550	41.639.066.634
4. Phải trả người lao động	314		11.114.635.758	12.347.709.694
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	52.480.633.710	47.377.496.033
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		46.363.635	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	633.499.498.950	548.016.785.937
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	98.736.400.000	714.013.278.031
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.780.973.079	3.574.110.372
II. Nợ dài hạn	330		6.308.658.054.701	5.213.765.693.616
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	188.872.948.133	82.826.479.221
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	6.006.355.131.336	5.017.509.239.163
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13b	113.429.975.232	113.429.975.232
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.874.960.195.822	3.902.179.854.873
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	3.874.960.195.822	3.902.179.854.873
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		84.425.408.490	84.425.408.490
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		893.767.794.207	978.493.407.654
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		747.067.689.654	654.173.576.006
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		146.700.104.553	324.319.831.648
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		964.561.595.029	907.055.640.633
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.725.970.212.031	11.260.219.776.325


Dương Thị Nhung
Người lập biểu


Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng


Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc




Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	349.023.385.468	363.802.785.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10.249.880.308	10.488.983.580
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	338.773.505.160	353.313.801.839
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	115.907.252.713	113.594.399.941
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		222.866.252.447	239.719.401.898
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	174.560.366.571	121.643.548.718
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	78.952.597.374	99.631.978.471
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		78.952.597.374	99.600.467.837
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12b	287.090.271	(3.323.371.680)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	18.567.389.408	16.903.048.334
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	56.612.728.085	53.366.209.655
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		243.580.994.422	188.138.342.476
12. Thu nhập khác	31	VI.7	693.214.894	303.732.434
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.110.851.179	2.186.271.046
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(1.417.636.285)	(1.882.538.612)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		242.163.358.137	186.255.803.864
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	36.186.796.021	23.387.241.320
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	V.13	(29.700.428.188)	(185.104.862.518)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		235.676.990.304	347.973.425.062
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		146.700.104.553	204.801.395.034
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		88.976.885.751	143.172.030.028
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	756	1.055


Dương Thị Nhung
Người lập biểu


Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng


Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	242.163.358.137	186.255.803.864
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	132.074.380.587	120.138.706.569
Các khoản dự phòng	03	494.456.913	2.683.430.657
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(174.847.456.842)	(118.288.666.404)
Chi phí lãi vay	06	78.952.597.374	99.600.467.837
Các khoản điều chỉnh khác	07	10.249.880.308	10.154.699.224
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	289.087.216.477	300.544.441.747
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	8.699.746.067	(52.439.833.074)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	584.364.448	(569.535.380)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(26.937.111.900)	93.405.991
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(20.436.540.147)	(9.646.426.065)
Tiền lãi vay đã trả	14	(174.032.387.525)	(140.267.703.722)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.403.553.498)	(16.471.654.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.561.733.922	81.242.694.944
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(227.038.293.345)	(282.100.085.024)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	40.242.007	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(110.540.837.209)	(57.982.442.380)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	113.699.992.222	22.924.234.872
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.387.468.494)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.497.952.759
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.584.875.700	6.438.883.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(221.641.489.119)	(309.221.456.663)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	561.864.529.211	452.232.412.937
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(282.321.278.709)	(232.326.984.543)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36.700.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	242.843.250.502	219.905.428.394
 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	57.763.495.305	(8.073.333.325)
 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	70.292.549.741	120.592.676.434
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	128.056.045.046	112.519.343.109



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Phạm Thế Chinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại 3A Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,4%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên doanh				
1. Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu** (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T mà Công ty đầu tư vốn từ ban đầu là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu thu phí giao thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T*

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết dưới đây*).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.T, B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	1.226.905.229	1.236.467.374
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.646.929.976	22.715.266.010
Các khoản tương đương tiền	85.361.712.329	46.340.816.357
Cộng	122.235.547.534	70.292.549.741

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm 15 tỷ đồng tiền gửi đang được dùng để bảo lãnh thực hiện công trình.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.945.801.731	2.945.801.731
Phải thu khách hàng khác	20.243.063.330	22.296.282.491
Cộng	30.489.642.035	32.542.861.196
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	482.400.000	422.400.000
Công ty CII	379.155.000	-
Cộng	861.555.000	422.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T:	216.693.408.274	263.378.673.049
Công ty CII E&C	204.085.316.885	151.267.806.829
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mỏ Cây Bắc	1.194.873.184	45.626.195.184
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mỏ Cây Nam	-	54.923.544.300
Các nhà thầu khác	11.413.218.205	11.561.126.736
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	19.286.821.619	12.768.555.366
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	6.386.826.090	1.596.706.522
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (i)	5.820.497.512	5.820.497.512
Các nhà cung cấp khác	7.079.498.017	5.351.351.332
Cộng	235.980.229.893	276.147.228.415
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	204.085.316.885	151.267.806.829
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	1.712.480.603	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	829.524.146	123.772.000
Cộng	206.627.321.634	151.391.578.829

(i) Khoản trả trước cho công ty Khánh An liên quan đến việc mua phần vốn góp của Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CII (i)	167.553.763.683	127.646.443.331
Các đối tượng khác	10.983.000.000	54.542.992.222
Cộng	178.536.763.683	182.189.435.553
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng các khoản phải thu về cho vay	409.962.013.683	413.614.685.553
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII (i)	167.553.763.683	127.646.443.331
Công ty CII E&C	1.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	5.943.000.000	4.943.000.000
Cộng	174.496.763.683	140.589.443.331

(i) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 với lãi suất cho vay là 11%/năm.

(ii) Khoản phải thu theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Doanh nghiệp dự án"). Ngày đáo hạn của hợp đồng là 30 tháng 6 năm 2021. Lãi suất cố định là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo là cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Tuấn Lộc sẽ chính thức chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Doanh nghiệp dự án đang đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo mục tiêu hoàn thành dự án vào quý II năm 2021. Với thỏa thuận hưởng lợi nhuận trên tỷ suất cố định của hợp đồng BOT thì nhà đầu tư không bị tổn thất giá trị. Bên cạnh đó, theo hợp đồng đã ký kết thì Công ty là người nắm giữ quyền, khi dự án hoàn thành thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng khoản đầu tư trên có hiệu quả và chắc chắn sẽ bảo toàn vốn đầu tư. Dựa trên những đánh giá này, Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ mua lại theo thỏa thuận đã ký kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	130.768.637.017	94.068.637.017
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	20.499.760.615	20.499.760.615
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	7.439.283.827	6.278.922.078
Các khoản chi hộ, thu hộ	4.720.657.642	4.815.725.551
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.782.660.000	2.782.660.000
Phải thu người lao động	718.451.131	721.537.290
Kỳ cược, kỳ quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	65.894.304.034	63.082.603.923
Cộng	232.837.754.266	192.263.846.474
b. Phải thu dài hạn		
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	1.257.480.726.680	1.116.860.335.137
Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	104.894.565.975	94.949.708.704
Cộng	1.362.375.292.655	1.211.810.043.841
Cộng các khoản phải thu khác	1.595.213.046.921	1.404.073.890.315
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII	4.213.151.353	3.010.360.274
<i>Trả trước tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn</i>	2.777.100.000	2.641.643.080
<i>Lãi hỗ trợ vốn</i>	1.436.051.353	368.717.194
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	8.678.810.308	5.823.983.308
<i>Lợi nhuận thu hộ</i>	4.651.176.308	4.651.176.308
<i>Tiền thu phí giao thông thu hộ</i>	4.027.634.000	1.172.807.000
Công ty CII E&C - Lãi hỗ trợ vốn	1.423.391.110	1.184.666.666
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII - Lãi hỗ trợ vốn	255.609.639	77.158.736
Cộng phải thu bên liên quan	14.570.962.410	10.096.168.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu khác** (tiếp theo)

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khi công ty con có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(ii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.198.309.486.565	1.047.439.214.714
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	50.520.126.154	59.992.649.806
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	29.150.874.576	29.928.231.232
	1.277.980.487.295	1.137.360.095.752
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(20.499.760.615)	(20.499.760.615)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.257.480.726.680	1.116.860.335.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

	30/06/2020		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
Phải thu khách hàng ngắn hạn	13.621.974.909	626.735.988	13.396.457.804	45.675.796
Trả trước cho người bán ngắn hạn	869.800.000	-	19.800.000	-
Cộng	14.491.774.909	626.735.988	13.416.257.804	45.675.796
				(13.350.782.008)
				(19.800.000)
				(13.370.582.008)
7. Hàng tồn kho				
		30/06/2020		01/01/2020
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.878.835.846	-	27.531.089.304	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	25.207.545.926	-	25.207.545.926	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	1.671.289.920	-	2.323.543.378	-
Hàng hóa	254.889.875	-	187.000.865	-
Cộng	27.133.725.721	-	27.718.090.169	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	4.457.575.416	-
Công cụ, dụng cụ, vật tư xuất dùng	442.949.543	68.355.996
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	164.155.681	177.308.235
Chi phí khác chờ phân bổ	148.050.990	574.593.610
	5.212.731.630	820.257.841
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)	614.727.109.418	500.039.288.928
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	35.729.888.508	24.189.669.356
Chi phí khác chờ phân bổ	22.216.385.294	19.800.048.310
	672.673.383.220	544.029.006.594
Cộng	677.886.114.850	544.849.264.435

(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:

Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	350.434.368.425	293.570.283.268
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	87.390.211.543	96.461.225.566
Dự án cầu Cổ Chiên	127.927.011.716	96.438.852.641
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	35.406.590.281	-
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	13.568.927.453	13.568.927.453
Cộng	614.727.109.418	500.039.288.928

Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là 14%; Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 20% và dự án cầu Cổ Chiên là 11%. Tỷ lệ phân bổ của dự án Xa lộ Hà Nội và dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 sẽ được xác định khi các dự án chính thức được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	7.842.894.831	5.780.035.900	5.594.001.294	1.555.483.890	20.772.415.915
Mua trong kỳ	-	-	1.267.999.728	-	1.267.999.728
Tại ngày 30/06/2020	7.842.894.831	5.780.035.900	6.862.001.022	1.555.483.890	22.040.415.643
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	5.019.491.149	5.564.634.645	4.227.792.567	1.256.728.550	16.068.646.911
Khấu hao trong kỳ	107.548.486	132.233.376	220.979.352	5.274.252	466.035.466
Tại ngày 30/06/2020	5.127.039.635	5.696.868.021	4.448.771.919	1.262.002.802	16.534.682.377
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	2.823.403.682	215.401.255	1.366.208.727	298.755.340	4.703.769.004
Tại ngày 30/06/2020	2.715.855.196	83.167.879	2.413.229.103	293.481.088	5.505.733.266

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 8.281.769.831 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020: 5.070.292.248 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	4.712.702.965.244	733.149.000	715.000.000	4.714.151.114.244
Điều chỉnh giảm giá trị quyền thu phí	(40.242.007)	-	-	(40.242.007)
Tại ngày 30/06/2020	4.712.662.723.237	733.149.000	715.000.000	4.714.110.872.237
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	1.268.931.196.603	-	429.029.258	1.269.360.225.861
Khấu hao trong kỳ	125.071.706.102	-	83.738.093	125.155.444.195
Tại ngày 30/06/2020	1.394.002.902.705	-	512.767.351	1.394.515.670.056
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	3.443.771.768.641	733.149.000	285.970.742	3.444.790.888.383
Tại ngày 30/06/2020	3.318.659.820.532	733.149.000	202.232.649	3.319.595.202.181

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 581.138.260.482 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí hoàn vốn đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 43% doanh thu thu phí của dự án. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao.

Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

b. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 1.643.818.467.146 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**c. Dự án đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

d. Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu

Công ty được phép thu phí giao thông cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 495.607.637.262 VND. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 12 năm 3 tháng bao gồm cả 3 năm tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí này theo doanh thu với tỷ lệ hiện nay là 32%.

Tại ngày mua Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu phí. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 VND. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến ngày dự kiến kết thúc thời gian thu phí, phù hợp với thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con này.

e. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên trong năm, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 752.835.179.341 VND, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 20% doanh thu thu phí của dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các quyền thu phí để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số 5.20).

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 175.000.000 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020: 125.000.000 VND).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	3.009.274.507.958	2.861.969.685.308
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 (ii)	1.112.975.551.870	990.487.159.561
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.755.740.265	22.736.700.921
Cộng	4.126.005.800.093	3.875.193.545.790

(i) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao số 03/2009/HĐ-B.O.T ngày 25 tháng 11 năm 2009 ký với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư đã được điều chỉnh của dự án (không bao gồm chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu và thuế VAT) là 4.905.857.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số V.20.

(ii) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) theo hình thức hợp đồng B.O.T được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Tổng mức đầu tư của dự án (giai đoạn 2) là 1.752.053.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 30% và 70%. Thời gian thu phí hoàn vốn đầu tư ước tính khoảng 14 năm 8 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
a. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	33.575.911.215	33.575.911.215	29.572.394.358	29.572.394.358
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	5.334.449.089	5.334.449.089	5.334.449.089	5.334.449.089
Cộng	38.910.360.304	38.910.360.304	34.906.843.447	34.906.843.447

b. Dài hạn

Tiền gửi có kỳ hạn

	-	-	3.510.000.000	3.510.000.000
--	---	---	---------------	---------------

Tổng cộng

	38.910.360.304	38.910.360.304	38.416.843.447	38.416.843.447
--	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư	
			VND	VND
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	790.905.077.561	(i)	908.383.101	621.292.830
				(i)
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	791.813.460.662		780.517.609.067	781.138.901.897

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh chưa được xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh** (tiếp theo)

Trong kỳ, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tại thời điểm đầu kỳ	781.138.901.897	155.503.877.144
Thay đổi trong kỳ	10.674.558.765	(3.323.371.680)
Góp vốn trong kỳ	10.387.468.494	-
Lỗ từ công ty liên doanh	-	(3.323.371.680)
Điều chỉnh khác	287.090.271	-
Tại thời điểm cuối kỳ	791.813.460.662	152.180.505.464

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i) VND	Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii) VND	Dự phòng phải trả người lao động VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	(185.104.862.518)	-	(185.104.862.518)
Tại ngày 30/06/2019	-	185.104.862.518	-	185.104.862.518
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	(27.382.612.914)	(375.000.000)	(27.757.612.914)
Tại ngày 01/01/2020	-	212.487.475.432	375.000.000	212.862.475.432
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	-	(29.700.428.188)	-	(29.700.428.188)
Tại ngày 30/06/2020	-	242.187.903.620	375.000.000	242.562.903.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i)	Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	Dự phòng phải trả người lao động	Cộng
	VND	VND	VND	VND
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Tại ngày 30/06/2019	113.429.975.232	-	-	113.429.975.232
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Tại ngày 01/01/2020	113.429.975.232	-	-	113.429.975.232
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Tại ngày 30/06/2020	113.429.975.232	-	-	113.429.975.232
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				(29.700.428.188)

- (i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu như đã nêu tại Thuyết minh số 5.9. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có một khoản thu nhập sẽ được sử dụng để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội với giá trị là 1.198.309.486.565 VND và Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với giá trị là 50.520.126.154 VND. Theo hướng dẫn tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động, đồng thời, Công ty phải kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu phí giao thông để hoàn vốn dự án là hoàn toàn chắc chắn, do đó Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ đã tính nộp thuế lũy kế đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi số VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và ngày 30/06/2020	277.465.935.261
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	197.923.327.194
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	6.452.900.926
Tại ngày 30/06/2020	204.376.228.120
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	79.542.608.067
Tại ngày 30/06/2020	73.089.707.141

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan (i)	169.898.112.644	169.898.112.644	202.055.504.652	202.055.504.652
Các nhà cung cấp khác	71.908.813.143	71.908.813.143	109.577.208.317	109.577.208.317
Cộng	241.806.925.787	241.806.925.787	311.632.712.969	311.632.712.969

(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan

Công ty CII	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	9.510.617.470	9.510.617.470	22.606.065.467	22.606.065.467
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	902.193.372	902.193.372	18.005.930.855	18.005.930.855
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	712.000.000	712.000.000	2.670.206.528	2.670.206.528
Cộng	169.898.112.644	169.898.112.644	202.055.504.652	202.055.504.652

Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khách hàng khác	1.597.658.039	2.822.688.166
Cộng	464.448.038.039	465.673.068.166
<i>Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>		
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận hứa mua, hứa bán cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty sở hữu.

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2020 VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	437.267.068	-	-	437.267.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.188.340.646	10.909.091	-	1.177.431.555
Tiền thuế đất	344.658.585	344.658.585	-	-
Các khoản khác	67.700.002	-	-	67.700.002
Cộng	2.037.966.301	355.567.676	-	1.682.398.625
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.759.377.445	21.253.941.571	20.787.999.923	3.225.319.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.340.048.709	36.175.886.930	40.403.553.498	34.112.382.141
Thuế thu nhập cá nhân	495.334.471	614.549.661	1.009.092.816	100.791.316
Các khoản khác	44.306.009	125.842.531	170.148.540	-
Cộng	41.639.066.634	58.170.220.693	62.370.794.777	37.438.492.550

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay phải trả	36.511.528.846	37.773.038.569
Trích trước chi phí thi công lắp đặt	12.652.181.643	7.484.752.609
Chi phí phải trả khác	3.316.923.221	2.119.704.855
Cộng	52.480.633.710	47.377.496.033

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Phải trả khác**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	88.209.826	90.483.419
Bảo hiểm xã hội	37.292.829	37.292.891
Bảo hiểm y tế	6.045.848	6.045.848
Bảo hiểm thất nghiệp	399.638	399.638
Cổ tức phải trả	623.424.745.827	360.528.096.472
Các khoản thu hộ	5.551.176.308	5.551.176.308
Phải trả chi phí sử dụng vốn	230.416.667	80.320.149.399
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	-	93.883.078.709
Nhận ký quỹ, ký cược	-	64.439.690
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.161.212.007	7.535.623.563
	633.499.498.950	548.016.785.937
b. Dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	181.460.856.875	76.014.387.963
Nhận ký quỹ, ký cược	76.000.000	76.000.000
Các khoản thu hộ	7.336.091.258	6.736.091.258
	188.872.948.133	82.826.479.221
Cộng các khoản phải trả khác	822.372.447.083	630.843.265.158
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CII	573.590.436.044	542.075.880.348
Cổ tức phải trả	391.899.162.502	360.435.736.372
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	181.691.273.542	87.757.065.267
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	-	93.883.078.709
Lãi trái phiếu, lãi vay phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	60.844.138.761
Lãi trái phiếu phải trả Công ty CII E&C	-	7.733.333.334
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	76.000.000	76.000.000
Cộng	573.666.436.044	610.729.352.443

(i) Đây là khoản chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn công ty mẹ để tài trợ cho các dự án B.O.T (xem thêm tại thuyết minh số V.20) và sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn của các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay ngắn hạn**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc		Tăng		Giảm	
	VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay các bên liên quan	10.000.000.000	10.000.000.000	513.000.000.000	1.005.692.962.962	502.692.962.962	502.692.962.962
Công ty CII	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	-	303.000.000.000	805.692.962.962	502.692.962.962	502.692.962.962
Công ty CII E&C	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>)	88.736.400.000	88.736.400.000				
Trái phiếu phát hành	-	-	142.684.931	120.000.000.000	91.463.000.000	91.463.000.000
Trái phiếu HNHHC_2017	-	-	142.684.931	120.000.000.000	119.857.315.069	120.000.000.000
Cộng	98.736.400.000	98.736.400.000	513.142.684.931	1.125.692.962.962	714.013.278.031	714.155.962.962

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

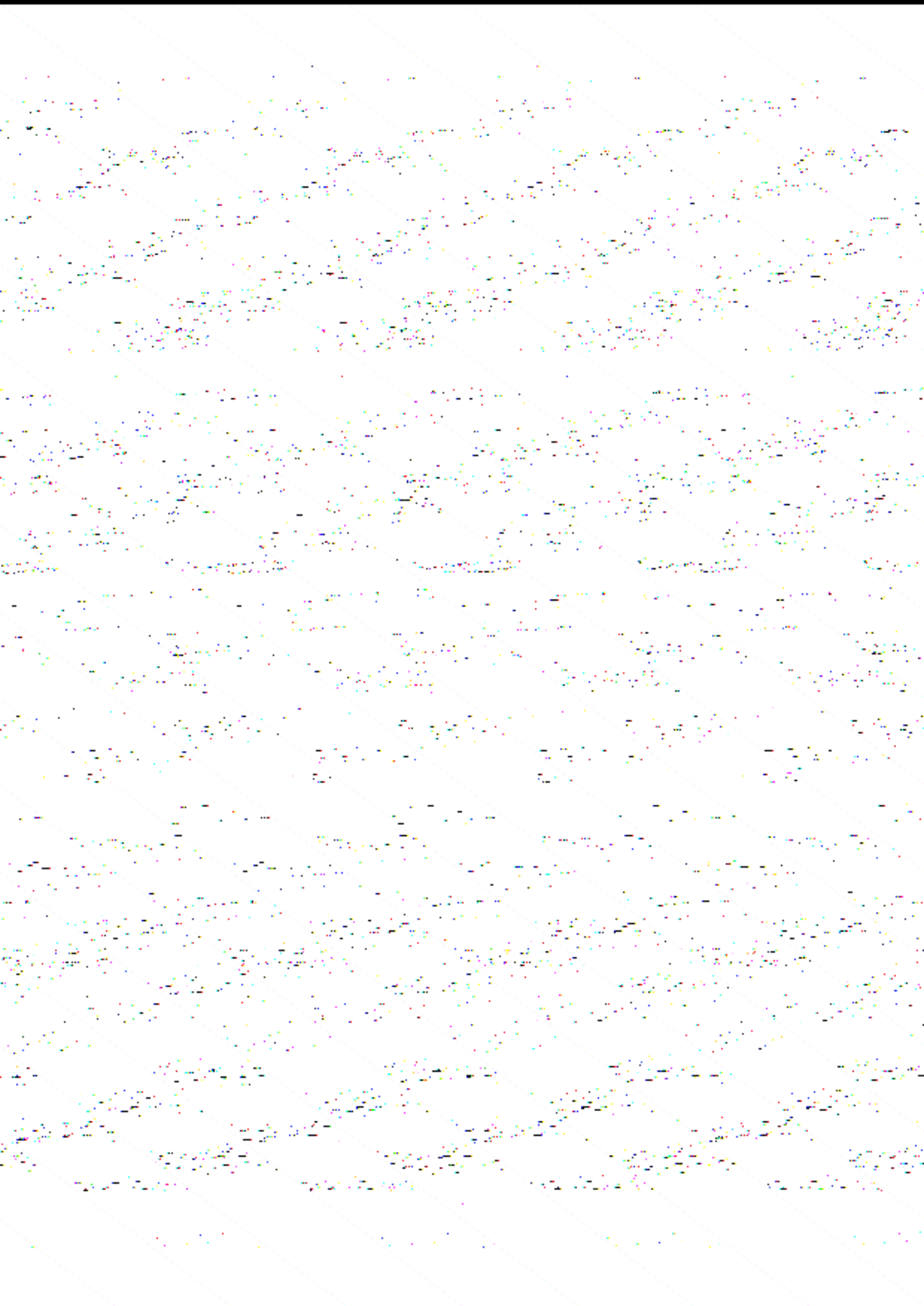
Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	10.000.000.000	12 tháng	13/04/2021	Lãi suất trong kỳ là 10,5%	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.

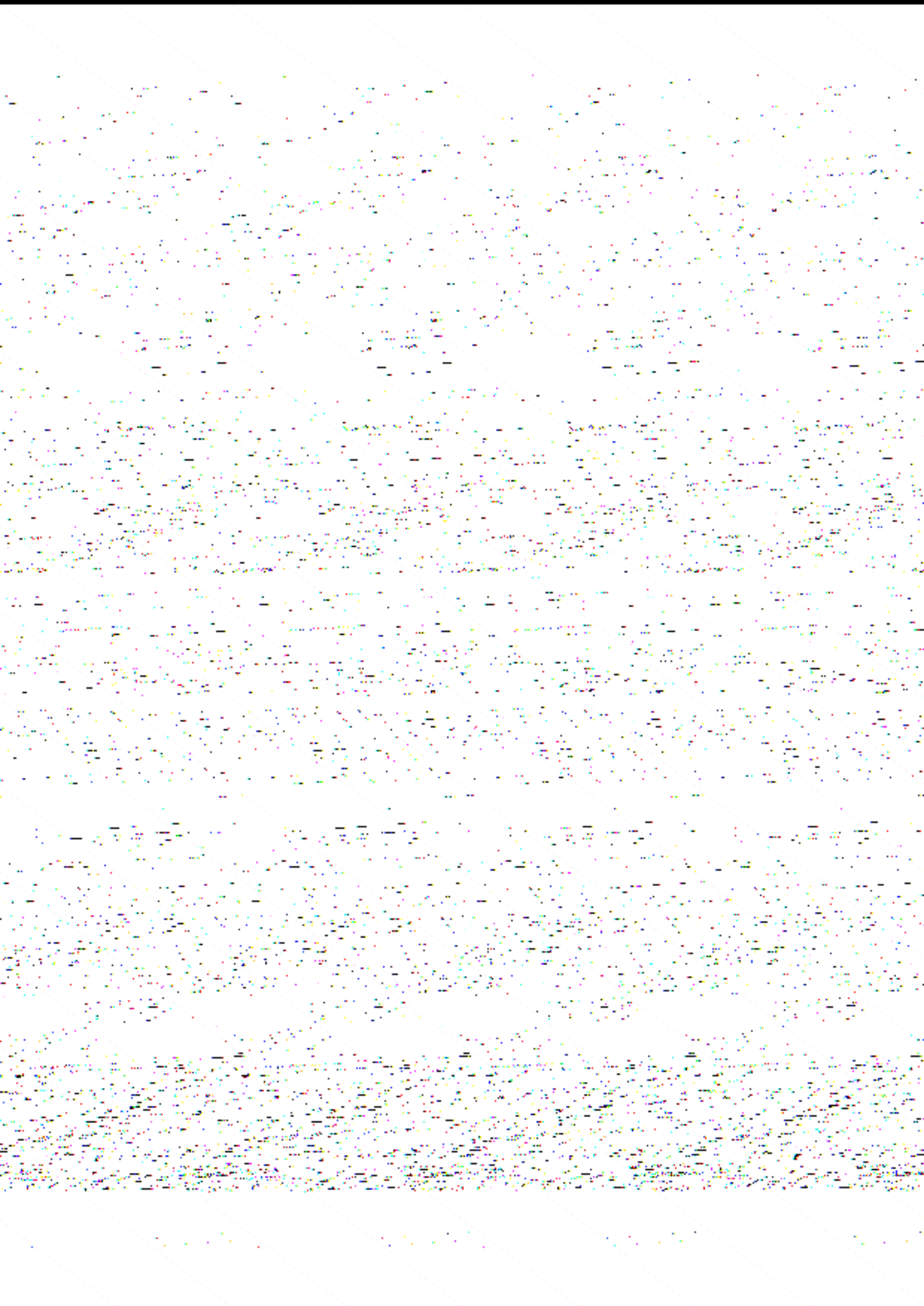
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

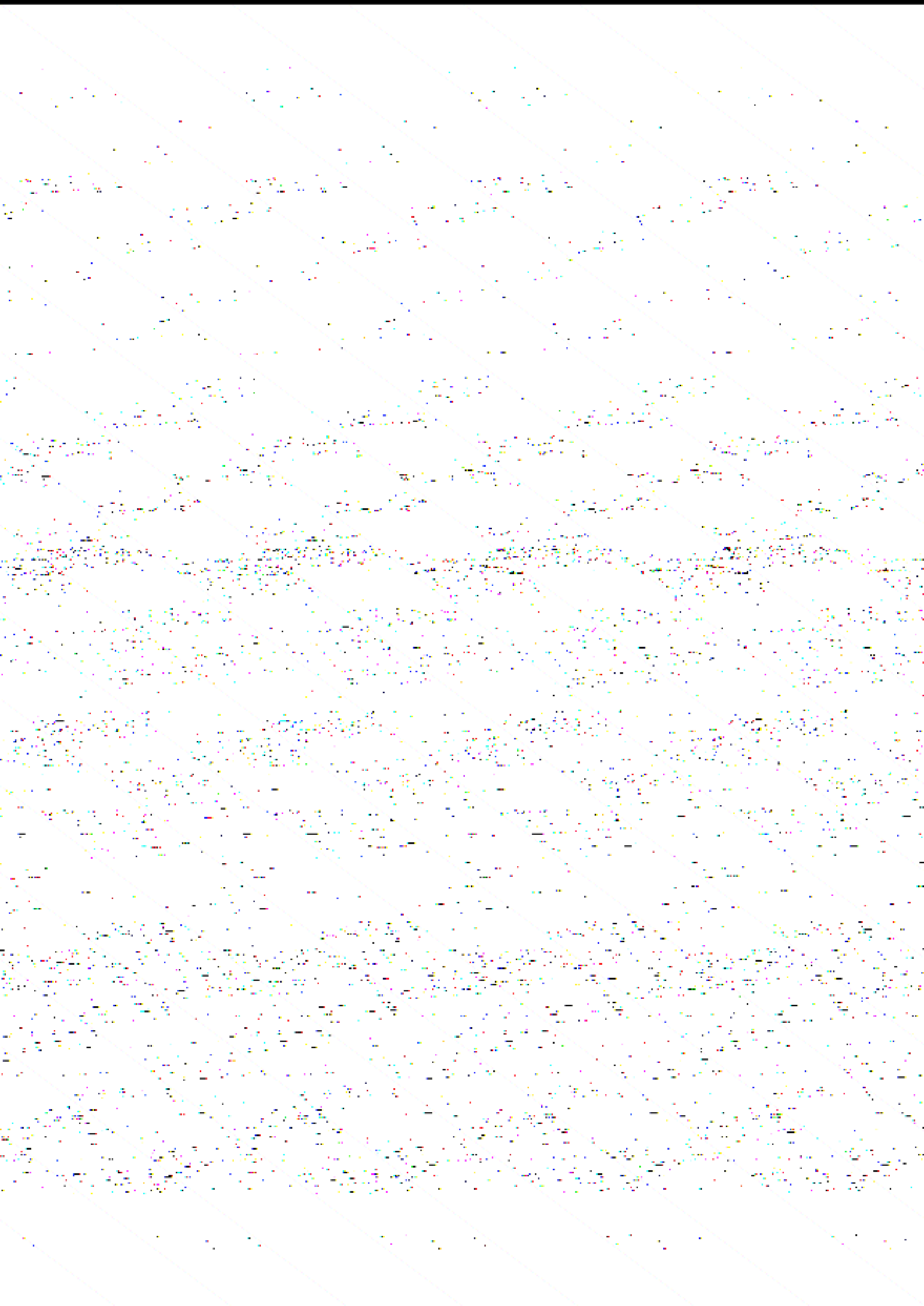
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**b. Vay dài hạn**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc		Tăng		Nợ gốc	
	VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngân hàng	6.006.355.131.336	6.006.355.131.336	1.038.947.492.173	52.828.200.000	5.017.509.239.163	5.017.509.239.163
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	2.936.156.525.146	2.936.156.525.146	-	21.600.000.000	2.957.756.525.146	2.957.756.525.146
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	800.280.589.039	800.280.589.039	52.801.900.524	1.200.000.000	748.678.688.515	748.678.688.515
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	635.049.435.583	635.049.435.583	-	3.373.200.000	638.422.635.583	638.422.635.583
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	315.844.568.925	315.844.568.925	-	24.205.000.000	340.049.568.925	340.049.568.925
Ngân hàng BIDV - CN Bình Dương	41.358.699.681	41.358.699.681	5.452.628.687	2.450.000.000	38.356.070.994	38.356.070.994
Công ty CII	1.366.401.712.962	1.366.401.712.962	980.692.962.962	-	385.708.750.000	385.708.750.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(88.736.400.000)	(88.736.400.000)			(91.463.000.000)	(91.463.000.000)
Cộng	6.006.355.131.336	6.006.355.131.336	1.038.947.492.173	52.828.200.000	5.017.509.239.163	5.017.509.239.163







THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	66.007.873.083	654.195.456.683	840.173.694.094	3.492.582.421.956					
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	204.801.395.034	143.172.030.028	347.973.425.062					
Chia cổ tức	-	-	-	-	(115.039.262.985)	(115.039.262.985)					
Hợp nhất kinh doanh trong năm	-	-	-	-	29.879.873.846	29.879.873.846					
Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(4.987.434)	(4.987.434)					
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(21.880.677)	21.880.677	-					
Điều chỉnh khác	-	-	(273.946)	-	273.946	-					
Tại ngày 30/06/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	66.007.599.137	858.974.971.040	898.203.502.172	3.755.391.470.445					
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	140.224.181.238	57.299.737.728	197.523.918.966					
Chia cổ tức	-	-	-	-	(48.447.599.267)	(48.447.599.267)					
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	18.417.809.353	(20.705.744.624)	-	(2.287.935.271)					
Tại ngày 31/12/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	84.425.408.490	978.493.407.654	907.055.640.633	3.902.179.854.873					
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	146.700.104.553	88.976.885.751	235.676.990.304					
Chia cổ tức	-	-	-	(231.425.718.000)	(31.470.931.355)	(262.896.649.355)					
Tại ngày 30/06/2020	1.928.547.650.000	3.657.748.096	84.425.408.490	893.767.794.207	964.561.595.029	3.874.960.195.822					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 15 tháng 6 năm 2020 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 12% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	348.023.790.012	358.544.753.639
Doanh thu từ hoạt động duy tu, xây lắp công trình	-	4.242.279.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	999.595.456	1.015.751.865
	349.023.385.468	363.802.785.419
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(10.249.880.308)	(10.154.699.224)
Giảm giá hàng bán	-	(334.284.356)
	(10.249.880.308)	(10.488.983.580)
Doanh thu thuần	338.773.505.160	353.313.801.839
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	344.686.364	246.197.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	115.204.571.896	109.280.590.397
Giá vốn hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	-	3.907.995.559
Giá vốn cung cấp dịch vụ	702.680.817	405.813.985
Cộng	115.907.252.713	113.594.399.941

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	150.870.271.851	79.020.973.570
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.690.094.720	42.622.575.148
Cộng	174.560.366.571	121.643.548.718

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	8.161.910.223	2.832.867.600
Công ty CII E&C	238.724.444	577.402.778
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	255.609.639	-
Cộng	8.656.244.306	3.410.270.378

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	78.952.597.374	99.800.467.837
Lỗ từ giải thể công ty con	-	31.510.634
Cộng	78.952.597.374	99.631.978.471

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	26.158.775.024	35.982.722.632
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	12.461.390.312	13.573.371.958
Công ty CII E&C	733.302.631	-
Cộng	39.353.467.967	49.556.094.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lương nhân viên	5.241.830.940	4.676.824.296
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	11.484.275.069	10.763.636.365
Chi phí in vé thu phí giao thông	610.535.616	371.777.249
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.230.747.783	1.090.810.424
Cộng	18.567.389.408	16.903.048.334

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	10.212.351.157	10.763.636.365
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	37.840.000	-
Cộng	10.250.191.157	10.763.636.365

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	6.452.900.926	6.452.900.926
Chi phí lương nhân viên	8.889.325.018	9.058.936.786
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	977.983.283	790.089.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.136.230.693	31.415.333.648
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	469.426.786	2.683.430.657
Chi phí thuê văn phòng	516.779.663	487.530.554
Chi phí tiếp khách	893.892.912	1.112.316.050
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.276.188.804	1.365.671.881
Cộng	56.612.728.085	53.366.209.655

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	574.961.845	557.749.399
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	4.000.000
Cộng	574.961.845	561.749.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

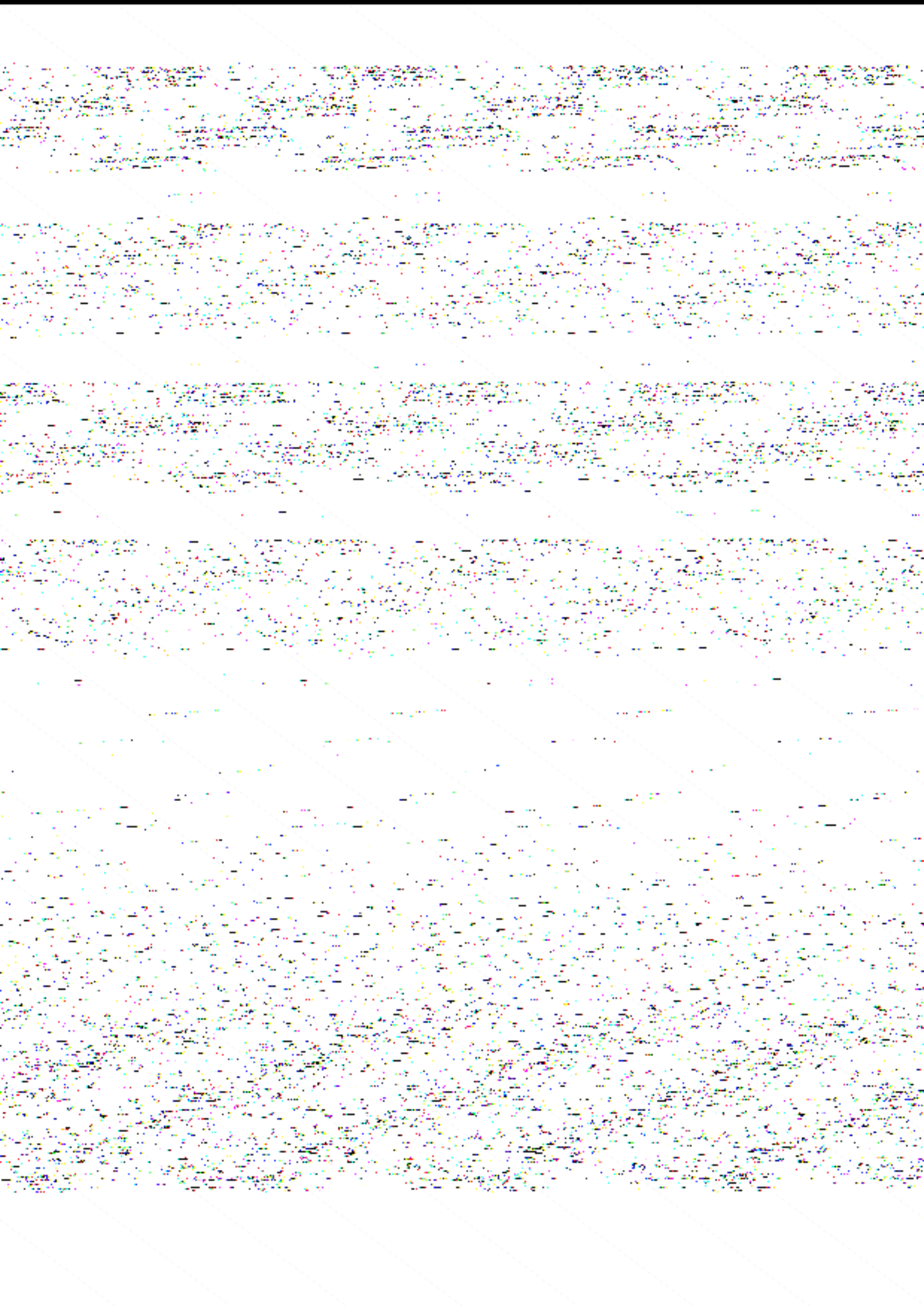
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	638.668.838	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	54.545.454	192.000.000
Thu nhập khác	602	111.732.434
Cộng	693.214.894	303.732.434

Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	54.545.454	192.000.000
Cộng	54.545.454	192.000.000

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Xử lý nợ phải thu	1.479.365.060	-
Chi phí tài sản cho thuê	369.669.329	595.534.878
Chi phí khác	202.972.314	1.587.864.110
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	58.844.476	2.872.058
Cộng	2.110.851.179	2.186.271.046



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (tiếp theo)

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, Chính phủ đã công bố Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ("NĐ 68") sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. NĐ 68 có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2019, trong đó cho phép các doanh nghiệp áp dụng hồi tố cho các năm 2017 và 2018. Phần chênh lệch giữa số thuế phát sinh khi áp dụng NĐ 68 so với NĐ 20 được phép giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020.

Việc áp dụng Nghị định 68 đã làm cho số thuế phải nộp trong năm 2019 giảm đi số tiền là 412.522.400 VND và đã được Công ty giảm trừ vào số thuế năm nay, đồng thời khoản lỗ tính thuế được điều chỉnh bổ sung cho các năm 2017, 2018 và 2019 là 123.459.546.830 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các khoản lỗ tính thuế được mang sang với tổng giá trị là 339.223.821.271 VND, chi tiết như sau:

Bảng theo dõi lỗ tính thuế được mang sang

Năm phát sinh	Giá trị (VND)
2015	77.820.430.193
2016	66.601.202.626
2017	88.368.079.456
2018	74.965.695.636
2019	31.468.413.360
Tổng	339.223.821.271

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	146.700.104.553	204.801.395.034
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(893.176.502)	(1.395.626.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	145.806.928.051	203.405.769.034
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	756	1.055

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo tài chính hợp nhất kỳ trước để phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020. Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	242.373.316	308.460.371
Chi phí nhân công	14.128.554.273	12.854.196.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.621.479.661	89.269.219.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.404.273.332	22.616.079.992
Chi phí bằng tiền khác	4.326.964.279	4.451.871.829
Cộng	163.723.644.861	129.499.828.589

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	58.254.529.211	247.492.412.937
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	503.610.000.000	204.740.000.000
	561.864.529.211	452.232.412.937
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	52.828.200.000	134.326.984.543
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	229.493.078.709	98.000.000.000
	282.321.278.709	232.326.984.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận**

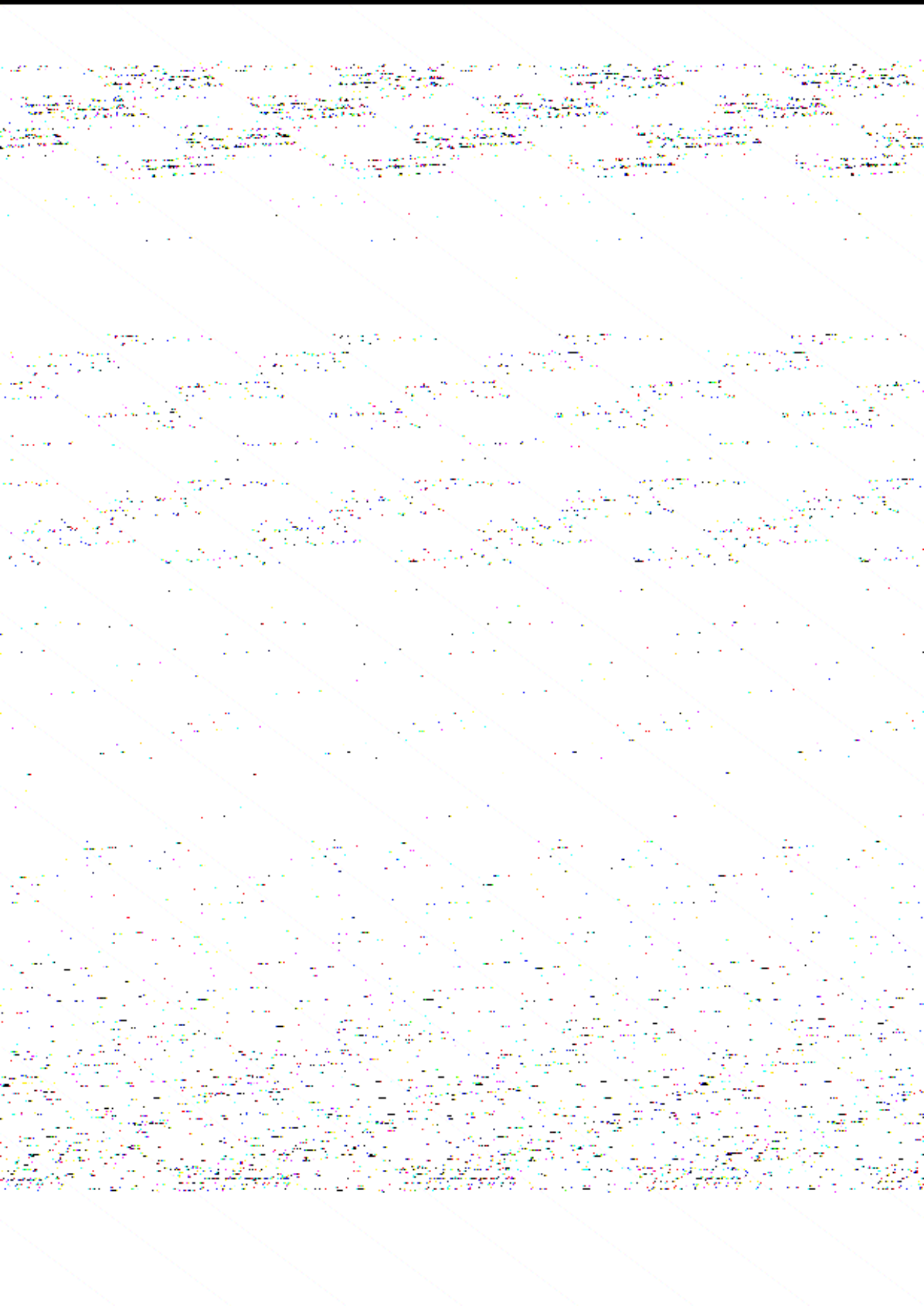
Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

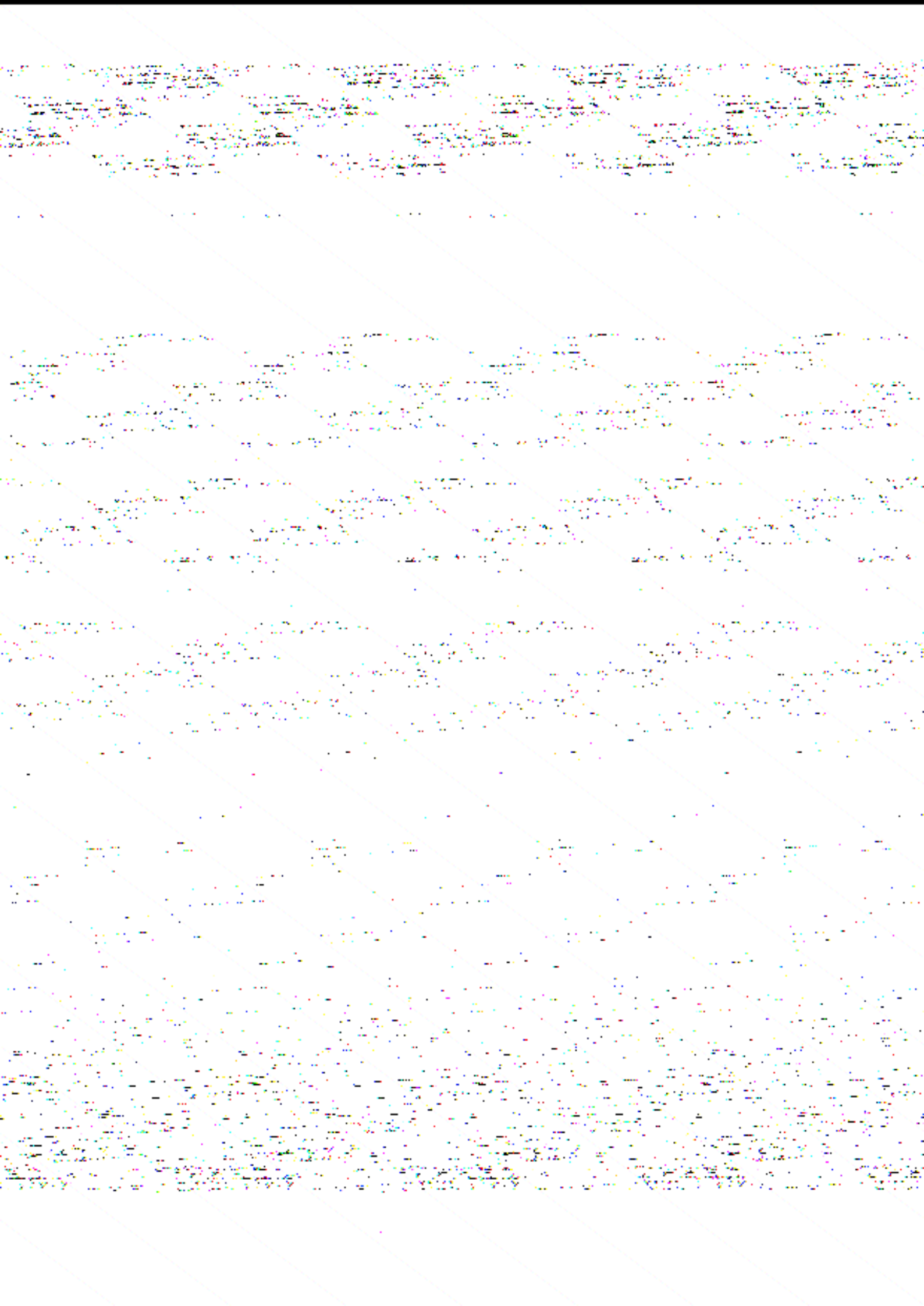
Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

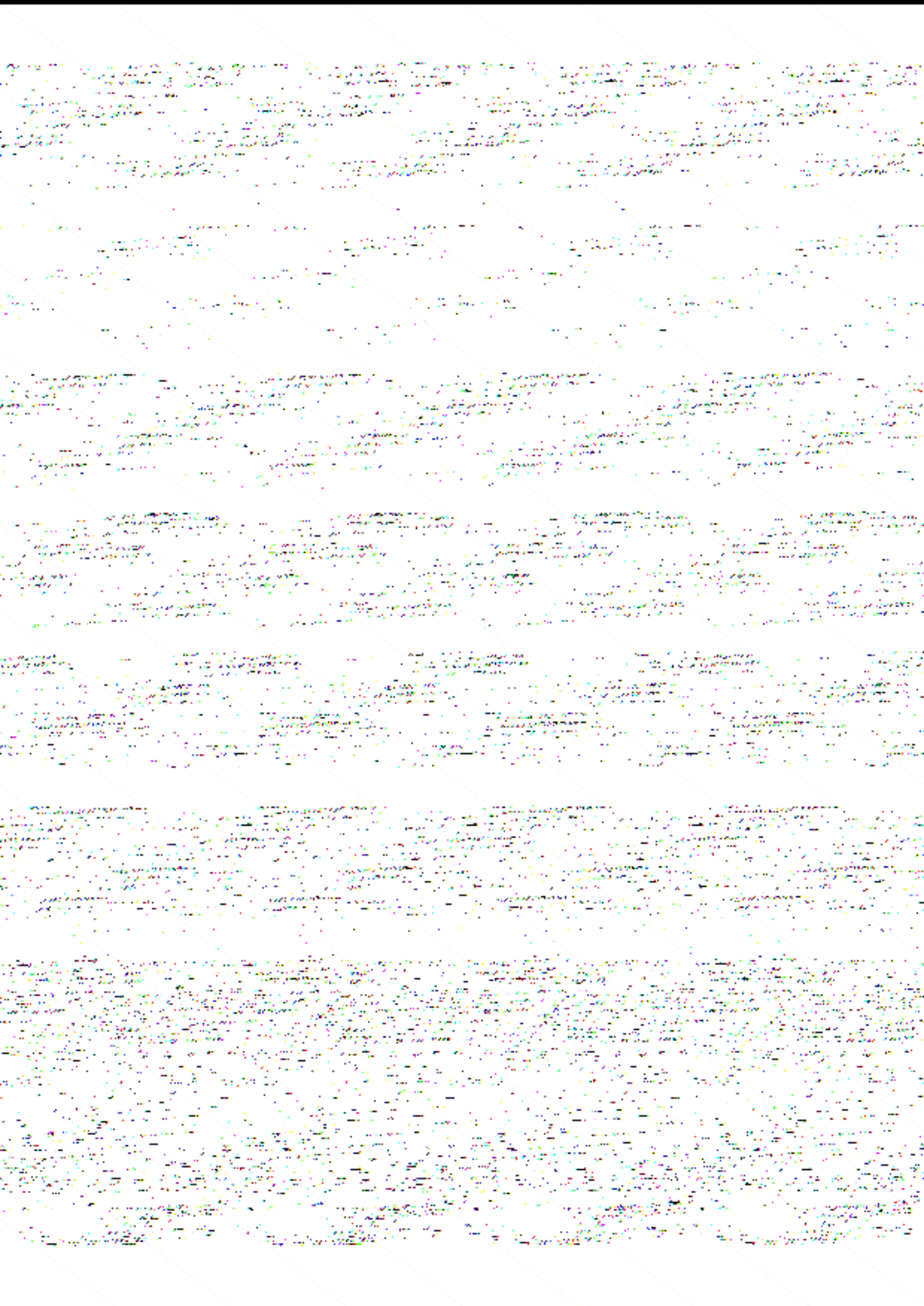
Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:







THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giao dịch với Công ty CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	200.610.000.000	204.740.000.000
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	109.493.078.709	98.000.000.000
Công ty CII mua lại nợ gốc vay phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	805.692.962.962	-
Công ty CII mua lại nợ lãi vay phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	77.240.506.086	-
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	13.401.913.135	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	108.707.320.352	28.000.000.000
Nhận lại tiền hỗ trợ vốn	68.800.000.000	5.574.227.094
Thu lãi hỗ trợ vốn	807.780.822	1.189.057.838
Cổ tức đã chia trong năm	31.463.426.130	115.023.731.311
Chi phí sử dụng vốn được vốn hóa vào giá trị dự án	10.088.178.622	-
Giao dịch với Công ty CII E&C		
Chi phí thi công xây dựng công trình và trung tu, sửa chữa đường bộ	20.896.898.058	127.754.812.338
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	80.719.698.777	103.764.775.368
Chi phí sử dụng vốn được vốn hóa vào giá trị dự án	2.303.862.271	6.033.333.333
Thanh toán lãi trái phiếu	10.770.498.235	12.000.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	17.000.000.000
Nhận lại tiền hỗ trợ vốn	7.000.000.000	7.000.000.000
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thanh toán tiền thuê văn phòng	632.458.030	968.979.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí thi công xây dựng công trình và duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	33.733.505.296	4.159.206.369
Thanh toán chi phí thi công xây dựng công trình và duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	46.961.969.659	4.159.206.369
Chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	-	215.000.000
Thanh toán chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	-	177.375.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	1.000.000.000	-
Thu lãi hỗ trợ vốn	77.158.736	-
Thu tiền cho thuê tài sản	-	4.400.000
Giao dịch với Công ty TNHH Dịch vụ MCSC		
Thanh toán phí thu hộ phí giao thông	13.809.586.274	13.840.132.000
Chi phí duy tu, bảo dưỡng đường bộ	5.374.382.103	811.531.073
Thanh toán chi phí duy tu, bảo dưỡng	6.553.069.234	654.857.000
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	303.000.000.000	-
Chi phí sử dụng vốn được vốn hóa vào giá trị dự án	3.934.977.013	5.871.294.582
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lương và thưởng	1.613.396.476	1.544.056.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.

Dương Thị Nhung
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng

Phạm Thế Chinh
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

